

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lâu A Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2024/TLST-HNGĐ ngày 22-5-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-7-2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn QT, xã HA, huyện HH, tỉnh TB. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lò Thị L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Bản MC, xã PL, huyện TC, tỉnh SL. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Anh Nguyễn Thanh S và chị Lò Thị L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện HH, tỉnh TB, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của

ai. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Lò Thị L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lò Thị L trình bày như sau:

Chị Lò Thị L và anh Nguyễn Thanh S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện HH, tỉnh TB, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2024 tại UBND xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La đối với bà Lò Thị L (là mẹ đẻ của bị đơn Lò Thị L) có nội dung như sau:

Chị Lò Thị L và anh Nguyễn Thanh S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện HH, tỉnh TB, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài; cho đến tháng 4 năm 2023 thì chị Lò Thị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản MC, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La để sinh sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Anh Nguyễn Thanh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh S giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai.

Chị Lò Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị L nhất trí ly hôn với anh S; về con chung: không có; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Lò Thị L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Lò Thị L có địa chỉ nơi thường trú tại bản MC, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Trước phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S và bị đơn chị Lò Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lò Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã HA, huyện HH, tỉnh TB cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, anh S và chị L là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh S, chị L chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S và chị L đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay và hiện tại chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản MC, xã PL, huyện TC để sinh sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, anh S yêu cầu ly hôn với chị Lò Thị L. Chị Lò Thị L nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự, biên bản xác minh và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của anh S và chị L không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh S và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Thanh S ly hôn với chị Lò Thị L.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lò Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Lò Thị L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: 0001799, ngày 22/5/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh S, chị Lò Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã HA, huyện HH, tỉnh TB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh